

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp hệ phố
một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 322/NQ-HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La;

Căn cứ Văn bản số 2149/UBND-TH ngày 21/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 326/TTr-SXD ngày 01/10/2024 và Báo cáo thẩm định số 198/KQTD-SXD ngày 30/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp hè phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp hè phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND thành phố Sơn La.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư

4.1. Mục tiêu: Chinh trang đô thị, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị thành phố Sơn La.

4.2. Quy mô đầu tư:

Thực hiện nâng cấp, lát vỉa hè; thay thế, bổ sung bó vỉa bồn cây, nạo vét sửa chữa rãnh dọc và một số hạng mục khác 04 tuyến: Đường Trần Đăng Ninh - đến hết đường Lê Duẩn; đường Cách mạng tháng 8; đường Thanh niên; đường Lê Đức Thọ, quy mô cụ thể:

- Tuyến 01 - Tuyến đường Trần Đăng Ninh đến hết tuyến đường Lê Duẩn: Tổng chiều dài tuyến khoảng 11,38 km, điểm đầu tuyến nằm tại nút giao ngã ba Quyết Thắng, điểm cuối tuyến nằm tại nút giao ngã ba đường tránh thành phố Sơn La;

- Tuyến 02 - Tuyến đường Cách mạng tháng 8: Tổng chiều dài tuyến khoảng 0,405 km, điểm đầu tuyến nằm tại nút giao ngã ba giao với đường Tô Hiệu, điểm cuối tuyến nằm tại nút giao ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh;

- Tuyến 03 - Tuyến đường Thanh niên: Tổng chiều dài tuyến 0,375 km, điểm đầu tuyến nằm tại nút giao ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh, điểm cuối tuyến kết thúc tại khu dân cư giáp trường THPT Tô Hiệu;

- Tuyến 04 - Tuyến đường Lê Đức Thọ: Tổng chiều dài tuyến 1,673 km, điểm đầu tuyến đầu nối với đường 3/2 nằm tại nút giao ngã ba Điện Lực, điểm cuối tuyến kết thúc cuối đường Lê Đức Thọ (*thuộc khu dân cư tổ 14, phường Quyết Thắng*).

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. Nền, hè đường

- Bóc dỡ toàn bộ lớp kết cấu hiện trạng (*gạch lát, bó vỉa, rãnh biên hiện trạng*) đến cao độ thiết kế của kết cấu vỉa hè mới; đầm lại nền hè đạt độ chặt đảm bảo theo quy phạm tối thiểu K90;

- Cải tạo, nâng cấp lát lại vỉa hè với độ dốc ngang 2% hướng về phía tim đường, kết cấu vỉa hè mới như sau:

+ Đối với kết cấu hè nằm ngoài phạm vi rãnh hiện trạng: Vỉa hè lát lại bằng đá tự nhiên, kích thước đá 30x30x3cm/lớp vừa đệm vừa xi măng mác 75,

dày 2cm/lớp bê tông nền cấp độ bền B12,5 (mác 150) chiều dày trung bình là 8cm/ lớp đất đầm chặt K90;

+ Đối với kết cấu nằm trên phạm vi rãnh hiện trạng: Vía hè lát lại bằng đá tự nhiên, kích thước đá 30x30x3cm/lớp vữa đệm vữa xi măng mác 75, dày 2cm/lớp bê tông nền cấp độ bền B12,5 (mác 150) chiều dày theo từng vị trí/rãnh nước hiện trạng;

- Bóc dỡ viên bó vỉa hè cũ, thay thế bằng viên bó vỉa hè đá tự nhiên.

5.2. Thoát nước mặt đường, hè phố

- Rãnh tam giác: Bóc dỡ rãnh hiện trạng (*bê tông đã hư hỏng*); thay thế bằng rãnh biên thu nước bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250);

- Nắp rãnh bằng gang đúc sẵn có kích thước 1,2x1,2m và 1,5x1,5m đặt trên rãnh hiện trạng để thăm rãnh, phục vụ công tác nạo vét rãnh, bảo trì hệ thống rãnh sau khi hè phố hoàn thành; Tại vị trí liên kết nắp gang với rãnh hiện trạng thiết kế tăng cường chèn khe lấp đặt bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250); đổ bù, gia cố đỉnh gờ rãnh hiện trạng bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250); tại các vị trí nắp gang có bố trí rãnh kết hợp hồ thu bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250);

- Cửa thu nước: Thiết kế các cửa thu nước từ mặt đường vào rãnh hiện trạng; máng thu nước vào rãnh dọc, nắp ga thu bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250); phần nắp cửa thu sử dụng tấm gang thu nước kích thước 86x29x3cm.

5.3. Hồ trồng cây xanh: Bố trí các hồ trồng cây xanh cho các vị trí cây xanh hiện trạng tạo cảnh quan đô thị; Hồ trồng cây xanh bằng đá kích thước 15x15x120cm và 15x15x150cm vát hai đầu; Cao độ hoàn thiện đỉnh hồ trồng cây ngang bằng với cốt vỉa hè hoàn thiện. Chi tiết theo hồ sơ thiết kế cơ sở được thẩm định.

5.4. Nạo vét rãnh hiện trạng

- Tháo dỡ, thay thế mới các tấm đan rãnh hiện trạng bị hỏng cục bộ; Bổ sung hồ thu nước trên rãnh hiện trạng đảm bảo thu gom xử lý theo yêu cầu kỹ thuật; kích thước tấm đan chi tiết theo hồ sơ thiết kế cơ sở thẩm định;

- Tháo dỡ nắp rãnh hiện trạng, nạo vét lòng rãnh hiện trạng dọc hai bên tuyến đường thuộc 04 tuyến đường. Chiều sâu, khối lượng nạo vét theo hồ sơ thiết kế cơ sở và được kiểm tra, nghiệm thu thực tế khi triển khai thực hiện.

5.5. Lối lên xuống cho người khuyết tật

- Dọc các tuyến đường bố trí đường dốc lên xuống cho người khuyết tật. Trung bình 30m bố trí một điểm.

- Kết cấu đường lên cho người khuyết tật như sau:

+ Phần bó hạ hè: Bó vỉa bằng đá tự nhiên được lắp ghép từ 2 viên bó vỉa kích thước 30x23x100cm và 1 viên bó vỉa kích thước 30x13x100cm; Viên bó vỉa đặt trên lớp vữa đệm vữa xi măng mác 75/ lớp bê tông nền cấp độ bền B12,5 (mác 150) chiều dày 8cm/ lớp đất đầm chặt K90;

+ Phần hạ hè: Vĩa hè được thiết kế lát dốc về hướng mặt đường; kết cấu mặt vĩa hè theo kết cấu tại mục 5.1.

5.6. Kè gia cố: Tại vị trí cọc C421÷ C422 tuyến đường Trần Đăng Ninh - Lê Duẩn vị trí cống qua đường có hiện tượng sụt, trượt, cần thiết gia cố lại bằng kè trọng lực bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), chiều dài khoảng 7m.

5.7. Các nội dung, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở thẩm định.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thiên Long, Công ty Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Mai Lâm; địa chỉ thành viên đứng đầu liên danh: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thiên Long, tiểu khu 10, thị trấn Mộc châu, tỉnh Sơn La.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
- Diện tích sử dụng đất: Theo hiện trạng và quy hoạch được phê duyệt.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

- Dự án nhóm B;
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

9. Số bước thiết kế: 02 bước (*thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công*).

10. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

10.1. Quy chuẩn:

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 10-2014/BXD: Quy chuẩn xây dựng công trình để người tàn tật tiếp cận sử dụng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

10.2. Tiêu chuẩn khảo sát

- TCVN 4419-1987: Khảo sát cho xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9437-2012: Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất;
- 22 TCN 263-2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 96 TCN 43-1990: Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình;
- TCVN 9401-2012: Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa xây dựng- yêu cầu chung;
- TCCS 31-2020/TCĐBVN: Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát.

10.3. Tiêu chuẩn thiết kế:

- TCVN 104-2007: Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13592-2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4732-2007: Đá ốp, lát đá tự nhiên;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng- Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9116- 2012: Cống hộp bê tông cốt thép;
- TCVN 9113- 2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 11231-2015 (ISO 5002-2013): Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt;
- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 6525-2018: Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 108.000 triệu đồng, trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|------------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 96.356,718 triệu đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 1.221,506 triệu đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 4.428,851 triệu đồng; |
| - Chi phí khác: | 891,815 triệu đồng; |

- Chi phí dự phòng: 5.101,110 triệu đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2028.

13. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Về cân đối vốn:

+ Giai đoạn 2021-2025 là 30.000 triệu đồng (*từ số vốn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương - đợt 11*);

- + Giai đoạn 2026-2030: 78.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn kinh phí và khả năng bố trí vốn cho dự án:

DVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh		
	Tổng số	Trong đó	
		<i>Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh</i>	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất</i>
Năm 2025	30.000	10.000	20.000
Năm 2026-2028	78.000	78.000	
Tổng cộng	108.000	108.000	

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thành phố Sơn La (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 198/KQTĐ-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2024.

2. Sở Xây dựng:

- Chủ trì thẩm định các nội dung của chủ đầu tư đồng thời với việc thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

- Hướng dẫn UBND thành phố triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu

trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Chủ động thanh tra, kiểm tra, rà soát. Trường hợp có sai sót (*nếu có*) đề xuất với UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm Thông tin tỉnh Sơn La;
- Lưu VT, KT.Việt15b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh